TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;
2. Ông Nguyễn Bá Lý.
- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thành Long – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bảo N, sinh năm 1995. Địa chỉ: A L, Tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khoa T, sinh năm 1995. Địa chỉ: A L, Tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2025, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị Bảo N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Khoa T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn ngày 27/02/2017 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Khoa N1, sinh ngày 24/6/2017 và cháu Nguyễn Khoa Nhật H, sinh ngày 12/12/2019.

Trong đời sống hôn nhân, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách, lối sống và quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì. Chị N đã ra thuê nhà ở riêng hơn 01 năm, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, anh T chỉ đến thăm con và chu cấp tiền nuôi con hàng tháng. Chị xác định hôn nhân đã lâm vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Cụ thể, chị N yêu cầu:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn với anh Nguyễn Khoa T.

- Về con chung: Giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng vì các bên sẽ tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Khoa T:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, anh Nguyễn Khoa T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung đủ bảy tuổi ngày 14 tháng 7 năm 2025, cháu Nguyễn Khoa N1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Đặng Thị Bảo N.Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: - Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện sự không hợp tác, làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, do nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra; tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đặng Thị Bảo N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung; bị đơn anh Nguyễn Khoa T có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Khoa T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Bảo N và anh Nguyễn Khoa T đăng ký kết hôn ngày 27/02/2017 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, đã ly thân hơn một năm, không còn quan tâm, chăm sóc

lẫn nhau. Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khoa N1 (sinh ngày 24/6/2017) và cháu Nguyễn Khoa Nhật H (sinh ngày 12/12/2019). Chị N có công việc, thu nhập ổn định, đã trực tiếp nuôi dưỡng các cháu trong thời gian ly thân, đảm bảo điều kiện phát triển của con. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 14/7/2025, cháu N1 có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Nguyên đơn xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí:

Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đối với yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[6] Về ý kiến của Kiểm sát viên:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Bảo N.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Bảo N được ly hôn với anh Nguyễn Khoa T.2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Khoa N1 (sinh ngày 24/6/2017) và cháu Nguyễn Khoa Nhật H (sinh ngày 12/12/2019) cho chị Đặng Thị Bảo N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Khoa T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 001499 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Đặng Thị Bảo N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn là anh Nguyễn Khoa T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên